

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/DS-ST
Ngày 23 tháng 11 năm 2019
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến

Các hội thẩm nhân dân: **1. Bà Nguyễn Thị Xuân Phương**

2. Bà Phạm Thị Bích Hợp

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân Quận Hai Bà Trưng – thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Hai Bà Trưng - thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 23.11.2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân Quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 03 năm 2019 về tranh chấp Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXXST-DS ngày 15.10.2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2019/QĐHPT-ST ngày 01.11.2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng S

Trụ sở: Lầu 8, 266 – 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà D, chức vụ - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Nhật P – Nhân viên ngân hàng (Theo giấy ủy quyền số 341/UQ-TTT ngày 07 tháng 01 năm 2019). Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà Trần Thu T, sinh năm: 1983

Địa chỉ: P, phường P, quận H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn là Ngân hàng S do ông Trần Nhật P đại diện trình bày:

Ngày 23/04/2015, bà Trần Thu T có ký với Ngân hàng S (gọi tắt là Ngân hàng). Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa Credit Classic số 512341-1007 với hạn mức sử dụng là 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng), mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 34,022,872 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 28.230.000đ (*hai mươi tám triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng*). Thứ tự thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ưu tiên thanh toán phí lãi trước, giao dịch sau. Cụ thể khi chuyển nợ quá hạn vào ngày 01/07/2017: Tổng số tiền bà T đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 28.230.000 đồng bao gồm:

Phí trễ hạn là: 2.182.251 đồng;

Phí thường niên, phí rút tiền mặt và phí tin nhắn là: 806,000 đồng;

Phí vượt hạn mức là: 550,000 đồng;

Lãi trong hạn là: 12,464,638 đồng (lãi suất trong hạn là 2.15%/tháng);

Và một phần giao dịch là: 12,227,111 đồng;

Sau khi trừ hết các khoản trên theo thứ tự thì số tiền nợ gốc còn lại là: 21.795.761đ (*hai mươi một triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm sáu mươi một đồng*). Bà T sử dụng thẻ từ tháng 04/2015 đến tháng 03/2017 và có thanh toán đều cho Ngân hàng nhưng đến tháng 04/2017 thì ngưng thanh toán. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở, gia hạn tạo điều kiện nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/07/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc là: 21.795.761 đồng là 3.225%/tháng (150% lãi suất trong hạn). Tiền lãi quá hạn kể từ ngày 01/07/2017 đến ngày 23/11/2019 là: 20.524.680 đồng.

Tính đến ngày 23/11/2019, Bà T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền: 42.320.441 đồng (*Bốn mươi hai triệu, ba trăm hai mươi nghìn, bốn trăm bốn mươi một đồng*), trong đó: Nợ gốc: 21.795.761 đồng; Lãi quá hạn : 20.524.680 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín đề nghị Tòa án buộc bà Trần Thu T phải thanh toán ngay cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ là 42.320.441 đồng (Trong đó nợ gốc: 21.795.761 đồng; lãi quá hạn: 20.524.680 đồng) phát sinh từ hợp đồng cấp thẻ tín dụng và đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi theo quy định tại Hợp đồng tín dụng vay trên kể từ ngày 24/11/2019 cho đến khi bà T thanh toán hết và các chi phí phát sinh. Ngoài ra Ngân hàng không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

2. Bị đơn bà Trần Thu T vắng mặt không có lý do, không có bản tự khai.

Quá trình tiến hành tố tụng trong đơn khởi kiện, người khởi kiện. Ngân hàng S có ghi đầy đủ cụ thể, đúng địa chỉ của người bị kiện là bà Trần Thu T, có địa chỉ tại số P, phường P, quận H, thành phố Hà Nội. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã tiến hành xác minh, trao đổi với Công an phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Bị đơn bà Trần Thu T có hộ khẩu thường trú tại số P, phường P, quận H, thành phố Hà Nội. Hiện nay bà T không sinh sống tại địa chỉ trên, đi đâu không rõ, không thông báo cho chính quyền địa phương. Vì vậy Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã tiến hành niêm yết tất cả các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để việc giải quyết vụ án được đúng quy định của pháp luật và đảm bảo

quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 01/11/2019, bị đơn bà Trần Thu T vắng mặt không có lý do. Phiên tòa tiếp theo được ấn định vào ngày 23/11/2019. Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và thông báo trên cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhưng bà T vẫn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Trần Thu T theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Ngân hàng vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện như đã trình bày, theo Hợp đồng cấp thẻ tín dụng: số nợ bà Trần Thu T phải thanh toán cho Ngân hàng là 42.320.441 đồng (*Bốn mươi hai triệu, ba trăm hai mươi nghìn, bốn trăm bốn mươi một đồng*), trong đó: nợ gốc: 21.795.761 đồng; lãi quá hạn: 20.524.680 đồng tính đến ngày 23/11/2019 (ngày xét xử sơ thẩm).

Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục tính lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi bà T thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ thanh toán.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa có quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình khởi kiện, thụ lý hồ sơ và giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự, đảm bảo tính khách quan, công minh và tạo điều kiện cho các bên đương sự thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Đối với việc vắng mặt của bà Trần Thu T mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ, vì vậy căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S đối với bà Trần Thu T về tranh chấp Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Visa Credit Classic số 512341-1007 ngày 23/4/2015.

2. Buộc bà Trần Thu T phải thanh toán trả cho Ngân hàng S tổng số tiền còn nợ Ngân hàng là: 42.320.441 đồng (*Bốn mươi hai triệu, ba trăm hai mươi nghìn, bốn trăm bốn mươi một đồng*), trong đó: nợ gốc: 21.795.761 đồng; lãi quá hạn: 20.524.680 đồng, theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 23/4/2015 và bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S.

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm bà Trần Thu T tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc thỏa thuận Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong nợ gốc cho Ngân hàng S.

3. Về án phí: Bà Trần Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Căn cứ vào đơn khởi kiện, nguyên đơn Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thu T phải thanh toán số tiền nợ gốc: 21.795.761 đồng; lãi quá hạn: 20.524.680 đồng. Tổng cộng là 42.320.441 đồng (*Bốn mươi hai triệu, ba trăm hai mươi nghìn, bốn trăm bốn mươi mốt đồng*) đồng tạm tính đến ngày 23/11/2019, theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết ngày 23/4/2015 nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân theo quy định tại Khoản 1 Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Trần Thu T có hộ khẩu thường trú 248A Phố Huế, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Căn cứ theo điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- **Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:** Bị đơn là bà Trần Thu T có địa chỉ rõ ràng trong khi thực hiện hợp đồng, khi vi phạm nghĩa vụ dân sự, bà T không còn sinh sống tại địa chỉ trên. Hiện nay bà T không sinh sống tại địa chỉ số P, phường P, quận H, thành phố Hà Nội. Bà T chuyển đi đâu không rõ và không thông báo cho chính quyền địa phương. Do vậy Tòa án tổng đạt bằng phương thức niêm yết công khai văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng bà T vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Theo quy định tại điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị Quyết số 04 ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Trần Thu T là phù hợp với quy định pháp luật.

2. Về nội dung:

Ngày 23 tháng 4 năm 2015, bà T có ký với Ngân hàng S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa Credit Gold 472075-3952 với hạn mức sử dụng là 23.000.000 đồng. Hình thức đảm bảo cấp thẻ là tín chấp.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 34.022.872 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 28.230.000 đồng. Thứ tự thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ưu tiên thanh toán phí lãi trước, giao dịch sau. Cụ thể:

- Phí trễ hạn là 2.182.251 đồng
- Phí thường niên, phí rút tiền mặt và phí tin nhắn là 806.000 đồng
- Phí vượt hạn mức là 550.000 đồng,
- Lãi trong hạn là 12.464.638 đồng (lãi suất trong hạn là 2.15%/tháng)
- Một phần giao dịch là 12.227.111 đồng.

Sau khi trừ hết các khoản trên theo thứ tự thì số tiền gốc còn lại là 21.795.761 đồng.

Bà T sử dụng thẻ từ tháng 04/2015 đến tháng 03/2017 và có thanh toán đều cho Ngân hàng nhưng đến tháng 04/2017 thì ngưng thanh toán. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở, gia hạn tạo điều kiện nhưng Bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng

thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/07/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của Bà T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 21.795.761 đồng là 3.225%/tháng (150% lãi suất trong hạn). Tiền lãi quá hạn kể từ ngày 01/07/2017 đến ngày 23/11/2019 là 20.524.680 đồng.

Hiện bà T còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 21.795.761 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh từ hợp đồng trên.

Xét thấy Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng: Visa Credit Classic số 512341-1007 ngày 23/4/2015 được hai bên ký kết tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Các bên có đủ năng lực tham gia giao dịch dân sự, mục đích, nội dung và hình thức của hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật nên căn cứ vào Điều 122 Bộ luật dân sự 2005 xác định hợp đồng là hợp pháp, các bên có nghĩa vụ thực hiện. Quá trình sử dụng thẻ bà Trần Thu T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T và chuyển các khoản nợ sang nợ quá hạn. Do vậy việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T phải thanh toán các khoản tiền chưa thanh toán, gồm nợ gốc, lãi quá hạn là phù hợp với thỏa thuận của các bên được quy định tại hợp đồng cấp thẻ tín dụng. Tính đến ngày 23/11/2019, bà T phải thanh toán các khoản tiền phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng như sau: Số tiền nợ gốc chưa thanh toán là: 21.795.761 đồng; lãi quá hạn: 20.524.680 đồng. Tổng cộng là 42.320.441 đồng (*Bốn mươi hai triệu, ba trăm hai mươi nghìn, bốn trăm bốn mươi một đồng*).

Để đảm bảo quyền lợi cho người thi hành án, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 điều 305 Bộ luật dân sự 2005 buộc bà T phải chịu lãi suất của số tiền chưa thi hành án.

Từ những phân tích trên, căn cứ điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S đối với bà Trần Thu T về việc yêu cầu thanh toán nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/4/2015, buộc bà Trần Thu T phải thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền là 42.320.441 đồng (tính đến ngày 23/11/2019), trong đó, nợ gốc là 21.795.761 đồng; lãi quá hạn: 20.524.680 đồng.

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ theo quy định điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Trần Thu T phải chịu số tiền án phí là 2.116.022 đồng. Ngân hàng S được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 830.740 đồng dự phí đã nộp theo Biên lai số 00002179 ngày 14/3/2019 của chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271 và điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 122, khoản 2 Điều 305, các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005.
- Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Điều 26 Luật thi hành án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S đối với bà Trần Thu T về tranh chấp Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Visa Credit Classic số 512341-1007 ngày 23/4/2015.

Buộc bà Trần Thu T phải thanh toán trả cho Ngân hàng S tổng số tiền còn nợ là 42.320.441 đồng (*Bốn mươi hai triệu, ba trăm hai mươi nghìn, bốn trăm bốn mươi mốt đồng*). Trong đó, nợ gốc là: 21.795.761 đồng; lãi quá hạn: 20.524.680 đồng theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 23/4/2015 và bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S.

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm bà Trần Thu T tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong nợ gốc cho Ngân hàng S.

Về án phí: Bà Trần Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.116.022 đồng.

Ngân hàng S được hoàn lại số tiền 830.740 đồng dự phí đã nộp theo Biên lai số 00002179 ngày 14/3/2019 tại Cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 của luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Nguyễn Thị Hải Yến